

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 17/2018/HS-ST

Ngày 20 - 6 - 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thanh Huyền và bà Lê Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Duẩn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Cẩm Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018 tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2018/HSST ngày 27 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

A T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 05/12/1998, tại tỉnh Kon Tum. Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện H, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 02/12; dân tộc: Rơ Ngao; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông A H, sinh năm 1968 và bà Y K, sinh năm 1970; bị cáo chưa có vợ; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo được toại ngoại “có mặt”.

- Người bị hại: Anh Phạm Công Đ (Tên gọi khác: B) sinh năm 1999.

Nơi cư trú: Thôn thôn N, xã W, huyện H, tỉnh Kon Tum. “Có mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Phạm Thị N, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh Kon Tum. “Vắng mặt”.

2. Bà Y L, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Thôn N, xã W, huyện H, tỉnh Kon Tum. “Vắng mặt”.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

+ Anh A P, sinh năm 1998 và ông Rah Lan K, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: Cùng ở thôn I, xã L, huyện H, tỉnh Kon Tum. “Đều có mặt”

+ Bà Y K, sinh năm 1970; Anh A T1, sinh năm 2001; Chị Y W, sinh năm 1980 và anh A H1, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Cùng ở thôn N, xã W, huyện H, tỉnh Kon Tum. “Anh A T1, bà Y K và chị Y W vắng mặt; anh H1 có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12h00 ngày 19/12/2017, A Tri đi bộ đến nhà A P tại thôn I, xã L, huyện H, Kon Tum và rủ A P qua nhà A H 1 tại thôn N, xã W, huyện H, tỉnh Kon Tum uống rượu, A P đồng ý. Sau đó, A P lấy xe mô tô BKS : 82K7-5549 của bố A P chở A T đi. Đến khoảng 13h00, A T và A P đến nhà A H 1 và uống rượu cùng A H1 và ông Rah Lan K . Đến khoảng 15h00 thì nghỉ và A P điều khiển xe mô tô BKS: 82K7-5549 chở A T đến quán Internet của anh Huỳnh Quang B thuộc thôn N, xã W để chơi game, nhưng do nhìn vào trong quán thấy không còn máy tính nào để chơi nên A T ngồi trước quán chờ. Khoảng hai mươi phút sau, A T ngồi lên xe mô tô biển số 82B1-435.50, đồng thời nhìn vào quán và thấy anh Phạm Công Đ (*tên thường gọi là B; sinh năm 1999; trú tại thôn N, xã W, huyện H, tỉnh Kon Tum*) đang chơi game trong quán; do T biết là xe của Đ (*vì trước đó có vào xã W chơi và thấy Đ đi xe này*) nên T nảy sinh ý định trộm cắp để làm phương tiện đi lại. T nói với A P: “Muốn lấy xe bạn đi tán gái”, rồi A T lấy khẩu trang bịt mặt, đến chỗ để xe theo dõi thấy anh Đ đang mãi chơi game không để ý nên đã đạp hai cái thì xe nổ máy . Thấy vậy, A P hỏi: “Mày xin chưa”, A T trả lời: “Chưa”, rồi A T quay xe lại, điều khiển xe đi ra hướng quốc lộ 14. A P cũng điều khiển xe của mình đi theo sau. Trên đường đi, A P hỏi A T: “Xe của ai đây”, A T trả lời: “Xe của B- bạn tao, không sao đâu”. Sau đó, cả hai chạy xe về nhà lấy mũ bảo hiểm, rồi mỗi người điều khiển một xe mô tô về xã Kroong, thành phố Kon Tum để chơi . Khi đến xã Kroong, thành phố Kon Tum thì xe mô tô do A T điều khiển bị tắt máy nên nhờ A P dắt xe vào nhà chị Y W (*trú tại thôn M, xã K, Tp Kon Tum*) để gửi. Sau đó, cả hai tiếp tục đi chơi đến 21h00 cùng ngày thì về nhà ngủ. Anh Đ được anh A T1 nói có người lấy xe của Đ nên chạy chạy ra thì nhìn thấy A T đi xe của mình mà không hỏi nên đã nói bố của Đ là ông Rah Lan K đến nhà A T nói với bà Y K là mẹ của A T gọi điện hỏi A T có lấy xe của Đ không nhưng A T trả lời không lấy. Đến ngày 20/12/2017, anh Phạm Công Đ (B) gửi đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Hà về việc bị mất trộm xe mô tô BKS : 82B1-435.50, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn đen để trước cửa tiệm Internet của anh B ở thôn N, xã W, huyện H, Kon Tum vào ngày 19/12/2017.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-ĐGTS ngày 02/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đắk Hà kết luận giá trị của xe

mô tô mà A T thực hiện hành vi trộm cắp là: 3.150.000 đồng (*Ba triệu một trăm năm mươi ngàn đồng*).

Bản cáo trạng số: 13/CT-VKSĐH-HS ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà đã truy tố bị cáo A T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 (nay quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội xử phạt bị cáo A T 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Về vật chứng vụ án đề nghị căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (nay là điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015) trả lại cho anh Phạm Công Đ: xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA , loại SIRIUS; màu sơn: đen; số máy: 3S31045027; số khung: S3106Y045027; đăng ký BKS: 82B1-435.50, xe không có yếm, không có ổ khóa, xe đã cũ; 01 (*một*) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 023782, biển số đăng ký 82B1-435.50, mang tên Phạm Thị N; 01 (*một*) giấy chứng minh nhân dân số 233282179, mang tên Phạm Công Đ.

Tại phiên tòa xét xử, bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát và chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có yêu cầu gì về dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua phân xét hỏi công khai tại phiên tòa hôm nay, bị cáo A T khai nhận về hành vi phạm tội của mình là: Vào khoảng gần 17 giờ ngày 19/12/2017, lợi dụng sự mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản là anh Phạm Công Đ (B), bị cáo A T đã lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 82B1-435.50, nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS; màu sơn đen mà anh Đ dựng trước quán Internet của anh B ở thôn N, xã W, huyện H, tỉnh Kon Tum để đi chơi. Tài sản trộm cắp định giá 3.150.000 đồng (*Ba triệu một trăm năm mươi lăm ngàn đồng*).

[3] Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, trị giá tài sản bị thiệt hại là 3.150.000 đồng. Hành vi đó của bị cáo A T là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an địa phương, bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015). Mặc dù hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước 01 giờ ngày 01/01/2018 nhưng khung hình phạt của 02 bộ luật là như nhau, do đó căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội áp dụng hai Bộ luật để xét xử và quyết định mức hình phạt đối với bị cáo. Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà truy tố bị cáo về tội danh và đề nghị áp dụng khung hình phạt của 02 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng quy định. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cân nhắc mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội mà bản thân bị cáo đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không phải chịu tiết tiết nào; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tự nguyện khắc phục hậu quả (bị cáo đã bồi thường cho người bị hại 1.500.000đ tiền khắc phục thiệt hại về công đi tìm xe); Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Các tình tiết này được quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015). Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo thành người sống có ích cho xã hội. Xét về nhân thân, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân lương thiện, sống biết tôn trọng pháp luật.

[5] Đối với hành vi của A P có chở A T đến tiệm Internet của anh B, việc A T lấy xe của anh Đ, A P không biết, A T không trao đổi hay bàn bạc gì về việc A T lấy trộm xe của anh Đ với A P; chị Y W cho A P gửi xe mà A T trộm cắp nhưng chị W không biết xe đó là tài sản do phạm tội nên Cơ quan điều tra không khởi tố họ là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Đ, chị N, bà Y L không yêu cầu vấn đề gì về dân sự nên không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (nay là điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015) chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà trả lại cho anh Phạm Công Đ (B) các tài sản, giấy tờ như nêu ở phần trên là có căn cứ. Vì việc mua bán xe giữa bà Y L với chị N đã hoàn thành, bà Y L mua xe cho anh Đ (B) sử dụng, mặc dù chưa sang tên xong nay chị N, bà Y L không có tranh chấp vấn đề gì về quyền sở hữu xe và các giấy tờ liên quan đến xe, đồng thời đề nghị trả lại xe cho anh Đ (B). Ngoài ra chị N, bà Y L không có yêu cầu gì khác về vấn đề dân sự.

[9] Về án phí Hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo A T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay quy định tại khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội

Xử phạt bị cáo A T 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã L, huyện H, tỉnh Kon Tum nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

- Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (nay là điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015) trả lại anh Phạm Công Đ các tài sản, giấy tờ có đặc điểm như biên bản bàn giao vật chứng ngày 02/5/2018 giữa cơ quan Điều tra công an huyện Đắk Hà với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 1999). Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo A T phải nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tỉnh Kon Tum để xin xét xử phúc thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với

người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Hà;
- VKSND Tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan điều tra huyện Đắk Hà;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà;
- Người bị hại;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vũ Thị Hồng Dung